TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN R** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/ DSST

Ngày: 27/09/2021

V/v: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim An.

2. Ông Huỳnh Tấn Thương.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên Toà:* Bà Nguyễn Thanh Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST- DS, ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2021/QĐXXST-DS, ngày 20/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 355/2021/QĐST-DS, ngày 10/9/2021 của Toà án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, bản tự khai và tại phiên tòa ông Bùi Văn T trình bày: Do chỗ hàng xóm, láng giềng quen biết nhau nên ngày 13/5/2020,

ông T có cho bà Đ vay với số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời gian trả nợ, chỉ thỏa thuận khi nào cần thì ông T báo trước cho bà Đ, trong thời gian 02 tháng. Đến tháng 11/2020, ông T báo bà Đ đến ngày 10/02/2021 trả nợ cho ông, nhưng ngày 10/02/2021 bà Đ không trả tiền cho ông mà hẹn ngày khác, sau đó ông T nhiều lần đòi nợ nhưng bà Đ lẩn tránh.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và không yêu cầu Tòa án tính lãi.

* Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo thủ tục tố tụng dân sự cho bà Trần Thị Đ nhưng bà Đ không đến Tòa, không có văn bản trình bày gửi cho Tòa.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R đề nghị:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 244, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, 463, 466, 470 BLDS 2015; Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của NQ số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội v/v thi hành BLTTDS 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Đề nghị Hội đồng xét xử:Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn T

- Buộc bà Trần Thị Đ phải trả cho ông Bùi Văn T số tiền 50.000.000 đồng tiền nợ gốc.

- Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí DSST: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thôn A, xã S, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Đ vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, ông Bùi Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Đ.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy ông Bùi Văn T cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính "Giấy mượn tiền" lập ngày 13/5, giấy do cháu Chu Thị My Thơ – con bà Đ viết, chữ ký mang tên Trần Thị Đ có nội dung "Tôi có mượn của anh Bùi Văn T … với số tiền (Năm mươi triệu đồng) bằng chữ 50.000.000đồng". Hội đồng xét xử thấy tại giấy vay tiền do con bà Trần Thị Đ viết có ghi rõ họ tên, địa chỉ, nhưng sau khi vay nợ bà Đ không trả nợ cho ông T mà bỏ đi nơi khác sinh sống, khi đi bà Đ không thông báo cho ông T về nơi ở mới của mình; Hội đồng xét xử thấy việc này là việc bà Đ cố tình giấu địa chỉ, theo qui định tại điểm a khoản 2 nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/6/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên cần buộc bà Đ phải trả cho ông Bùi Văn T 50.000.000đ, ông T không yêu cầu tiền lãi nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T.

- Buộc bà Trần Thị Đ phải trả cho ông Bùi Văn T số tiền 50.000.000đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn T số tiền 1.250.000đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số: AA/2018/0003959, ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Trần Thị Đ phải chịu 2.500.000đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nhà UBND xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện R.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam